

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổn g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ (bốn chữ , năm chữ)	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Độc hiểu	- Thơ (bốn chữ năm chữ)	Nhận biết: - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Xác định được số từ, phó từ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.	3 TN	5TN	2TL	

			Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân.				1TL*
Tổng				3TN	5TN	2TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7
Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Ông đồ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay”.

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm;
Mực đọng trong nghiên sầu...

Ông đồ vẫn ngồi đấy,
Qua đường không ai hay,
Lá vàng rơi trên giấy;
Ngoài trời mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở,
Không thấy ông đồ xưa.
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

(Vũ Đình Liên, trong Thi nhân Việt Nam- SGK Ngữ văn 8, tập 2)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát.
- B. Thơ năm chữ

- C. Thơ bốn chữ.
- D. Sáu chữ.

Câu 2: Phương thức biểu đạt được sử dụng trong bài thơ?

- A. Biểu cảm, tự sự, miêu tả.
- B. Tự sự, miêu tả.
- C. Biểu cảm, miêu tả.
- D. Tự sự, biểu cảm.

Câu 3: Xác định phó từ trong hai dòng thơ sau “Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?”

- A. những
- B. người
- C. cũ
- D. ở

Câu 4: Hình ảnh ông đồ gắn liền với nét đẹp nghệ thuật và thú vui tao nhã nào của người Việt Nam xưa?

- A. Nghệ thuật múa lân và thú chơi hoa kiểng khi tết về.
- B. Nghệ thuật thư pháp và thú chơi chữ, chơi câu đối tết của người xưa.
- C. Nghệ thuật tạo hình cho cây cảnh và dạy chữ nho.
- D. Nghệ thuật dựng cây nêu ngày tết và thú chơi câu đối tết.

Câu 5: Nội dung của biện pháp so sánh trong hai dòng thơ “ Hoa tay thảo những nét/
như phượng múa rồng bay”?

- A. Bàn tay mềm mại khi viết chữ của ông đồ.
- B. Ca ngợi tài năng viết chữ của ông đồ.
- C. Mọi người mến phục tài của ông đồ.
- D. Tài năng của ông đồ có một không hai.

Câu 6: Theo em hai dòng thơ “Lá vàng rơi trên giấy; /Ngoài trời mưa bụi bay.” là;

- A. Tả cảnh.
- B. Tả tình.
- C. Tả cảnh ngụ tình.
- D. Tả tâm trạng.

Câu 7: Giọng điệu nào sau đây là giọng điệu chủ yếu phù hợp với việc diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ?

- A. Giọng trầm lắng, buồn bã.
- B. Giọng trầm lắng, suy tư.
- C. Giọng buồn bã, ngậm ngùi.
- D. Giọng trầm lắng, ngậm ngùi.

Câu 8: Bài thơ mở đầu là hình ảnh” Mỗi năm hoa đào nở / Lại thấy ông đồ già” và kết thúc là “ Năm nay đào lại nở/ Không thấy ông đồ xưa” là kiểu kết cấu nào sau đây?

- A. Kết cấu đối lập
- B. Kết cấu tương phản
- C. Kết cấu tăng tiến .
- D. Kết cấu đầu đôi tương ứng

Câu 9: Cảm nhận của em tâm tư mà nhà thơ gửi gắm qua bài thơ là gì?

Câu 10: Bài học em rút ra được từ văn bản trên?

II.VIẾT (4,0 điểm)

Phát biểu cảm nghĩ về người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, ...).

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
c	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	D	0,5
	9	- Niềm cảm thương cảm và nỗi tiếc nhớ ngậm ngùi của tác giả đối với cảnh cũ người xưa - Nuối tiếc một nét đẹp văn hóa cổ truyền đã bị lãng quên (Học sinh có thể diễn đạt theo cách khác miễn hợp lý)	1,0
	10	Học sinh biết rút ra được bài học cho bản thân (giữ gìn và phát huy những di sản văn hóa tinh thần cũng như vật chất của dân bằng những hành động thực tế.)	1,0
II		VIẾT	4,0
-		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:</i> Mở bài giới thiệu đối tượng, thân bài biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng, kết bài khẳng định lại tình cảm về đối tượng.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Biểu cảm về người thân	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề</i> HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản	2,5

		sau:	
		- Giới thiệu đối tượng, - Biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng: + Ngoại hình. + Tính cách. + Một số kỉ niệm mà em nhớ + Vai trò của người thân. - Khẳng định tình cảm của bản thân với đối tượng	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo.	0,5